TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/ DS-ST
Ngày 29/3/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2020. Về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (có mặt)

Anh Pham Hồng T, sinh năm 1975 (anh T ủy quyền cho chị Th)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Chị Trần Thị T, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo chị Th trình bầy: Vợ chồng chị có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, từ khoảng năm 2016 vợ chồng chị T, anh Tr có đến mua cám của vợ chồng chị về để chăn nuôi lợn, gà, khi mua bán hai bên thỏa thuận miệng đồng trả, đồng chịu. Đến ngày 21/02/2019 hai bên không mua bán với nhau nữa đã chốt sổ vợ chồng chị T, anh Tr còn nợ vợ chồng chị số tiền 277.337.000đ

(hai trăm bẩy mươi bẩy triệu, ba trăm ba mươi bẩy nghìn đồng), anh chị đã đến đòi tiền nhiều lần vợ chồng anh Tr, chị T có trả được vợ chồng chị cụ thể ngày 18/5/2019 trả được số tiền 48.000.000đ, ngày 20/02/2020 trả được số tiền 20.000.000đ đến ngày 08/4/2020 trả tiếp cho vợ chồng chị được số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), sau đó nhiều lần chị đòi nhưng vợ chồng anh Tr, chị T không trả nữa, vợ chồng chị làm đơn khởi kiện ra Tòa án thì chị không nhớ ngày nào vợ chồng anh Tr, chị T trả thêm được 20.000.000đ còn nợ lại 159.357.000đ (một trăm năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi bẩy nghìn đồng). Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Tr, chị T phải trả vợ chồng chi số tiền mua cám còn nợ là 159.337.000đ và yêu cầu trả lãi theo lãi xuất 0,83%/1 tháng tính từ ngày 18/5/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Về ý kiến của anh T, anh T ủy quyền cho chị nên yêu cầu của chị cũng là yêu cầu của anh T. Chị không có gì bổ sung.

* Tại bản khai của anh Nguyễn Văn Tr trình bầy: Vợ chồng anh có mua cám của vợ chồng anh T, chị Th để chăn nuôi lơn, gà từ khoảng năm 2016 đến ngày 21/02/2019 hai bên không mua bán với nhau nữa, chốt sổ vợ chồng anh còn nợ vợ chồng chị Th, anh T số tiền là 277.337đồng, do chăn nuôi thua lỗ nên vợ chồng anh không có tiền trả hết ngay cho chị Th, anh T, đến ngày 18/5/2019 vợ chồng anh đã trả cho vợ chồng chị Th, anh T số tiền là 48.337.000đ. ngày 20/02/2020 vợ chồng anh có tiếp số tiền là 20.000.000đ đến ngày 08/4/2020 trả được số tiền 30.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 179.337.000đ. Sau khi chị Th, anh T khởi kiện ra Tòa vợ chồng anh tiếp tục trả được thêm 20.000.000đ tính đến nay vợ chồng anh còn nợ chị Th, anh T số tiền cám là 159.337.000đ. Nay chị Th, anh T khởi kiện đòi vợ chồng anh số tiền mua cám còn nợ là 159.337.000đ và yêu cầu trả lãi theo lãi xuất là 0,83%/1 tháng tính từ ngày 18/5/2019 đến khi trả hết nợ. Quan điểm của anh là nhất trí trả số tiền gốc, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần, còn tiền lãi vợ chồng anh không đồng ý trả vì lý do khi mua cám chịu đã tính lãi vào rồi.

Ý kiến trình bầy của chị T. Chị là vợ anh Tr, chị nhất trí với lời khai của anh Tr. Nay quan điểm của chị chỉ đống ý trả vợ chồng chị Th, anh T số tiền cám còn nợ là 159.337.000đ và xin được trả dần, còn tiền lãi vợ chồng chị không đồng ý trả.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, và bị đơn anh Tr đã chấp đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn chị T chưa chấp đúng các quy định không đến tham gia phiên hòa giải.

+ ***Về hướng giải quyết:*** Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, giấy ký nhận nợ do anh T, chị Th cung cấp có căn cứ xác định anh Tr, chị T có mua cám của vợ chồng chị Th, anh T và còn nợ số tiền là 159.337.000đ là đúng nay anh Tr, chị T chưa trả nên anh T, chị Th khởi kiện là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị Th. Buộc anh Tr, chị T phải có trách nhiệm trả cho anh T, chị Th số tiền mua cám còn nợ là 159.337.000 đồng;

Về tiền lãi anh Tr, chị T đã chấm dứt việc mua bán từ ngày 21/02/2019, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận. Về mức lãi xuất 0,83%/1 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Về tiền lãi chậm trả giai đoạn thi án áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để đảm bảo quyền lợi của bên được thi án.

Yêu cầu của anh T, chị Th được chấp nhận nên anh T, chị Th không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Chị T, anh Tr phải chịu phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh T, chị Th khởi kiện đòi tiền chị T, anh Tr mua cám còn nợ xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" chị T, anh Tr có hộ khẩu thường trú tại Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án th thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa anh Tr, chị T có đơn xin xử vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản khoản 1, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Tr, chị T.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa vợ chồng chị T, anh Tr và chị Th, anh T, từ khoảng năm 2016 vợ chồng anh Tr, chị T có đến mua cám của vợ chồng chị Th, anh T, khi mua bán hai bên thỏa thuận đồng trả đồng chịu, tính đến ngày 21/2/2019 thì hai bên không mua bán với nhau nữa đã chốt sổ anh Tr, chị T còn nợ lại số tiền là 277.337.000đ. Anh T, chị Th có đến đòi nhiều lần chị T, anh Tr trả được 03 lần cụ thể ngày 18/5/2019 trả 48.000.000đ, ngày 20/02/2020 trả 20.000.000đ, ngày 18/4/2020 trả tiếp số tiền 30.000.000đ. Sau khi anh T, chị Th khởi kiện ra Tòa chị T, anh Tr trả thêm được số tiền 20.000.000đ còn nợ lại 159.337.000đ. Nay anh T, chị Th khởi kiện yêu cầu anh Tr,chị T phải trả số tiền 159.337.000đ. và trả lãi theo lãi

xuất 0,83%/1 tháng tính từ ngày 18/5/2019 đến khi trả xong nợ. HĐXX Căn cứ vào giấy nhận nợ và lời khai của anh Tr, chị T thừa nhận có mua cám và nợ số tiền trên đến nay chưa trả nên có căn cứ để buộc anh Tr, chị T phải có trách nhiệm trả cho chị Th, anh T số tiền mua cám còn nợ là 159.337.000đ (một trăm năm mươi chín triệu đồng).

Về tiền lãi tại phiên tòa chị Th, anh T yêu cầu tính lãi 0,83%/ 01 tháng kể từ ngày 18/5/2019 đến khi thanh toán hết tiền nợ. Về tiền lãi mặc dù phía anh Tr, chị T không đồng ý trả lãi song Hội đồng xét xử nhận thấy về nguyên tắc bên mua phải trả tiền cho bên bán kể từ khi nhận hàng. Anh T, chị Th, anh Tr, chị T thỏa thuận bán hàng đồng trả đồng chịu đến ngày 21/02/20020 vợ chồng anh Tr, chị T không mua nữa thì hợp đồng miệng về việc mua bán cám chấm dứt bên mua phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho bên bán, nhưng vợ chồng anh Tr, chị T không trả hết tiền. Vì vậy anh T, chị Th yêu cầu trả lãi kể từ ngày 18/5/2019 đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận, do đó cần buộc vợ chồng anh Tr, chị T phải có trách nhiệm trả lãi cho vợ chồng anh T, chị Th theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 "trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền". Về mức lãi suất anh T, chị Th yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng Hội đồng xét xử thấy mức lãi suất không vượt quá mức lãi quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 như vậy là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy về tiền lãi tính từ ngày 18/5/2019 đến ngày 29/3/2021 là 22 tháng 10 ngày (159.337.000đ x 0,83%/tháng x 22 tháng 10 ngày = 29.534.000đ)

Về tiền lãi chậm trả giai đoạn thi án. Để đảm bảo quyền lợi của người được thi án Kể từ ngày người được thi án có đơn yêu cầu thi án, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi án.

Do yêu cầu của Anh T, chị th được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí, hoàn trả chị Th, số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Anh Tr, chị T phải chịu 9.443.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Điểu luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 147, khoản 1, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 430; Điều 440; khoản 2, Điều 357; của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử buộc anh Nguyễn Văn Tr, chị Trần Thị T phải có trách nhiệm trả anh Phạm Hồng T, chị Nguyễn Thị Th số tiền mua cám còn nợ gốc và lãi

tính đến ngày 29/3/2021 là 188.871.000đ. (một trăm tám mươi tám triệu tám trăm bẩy mươi mốt nghìn đồng)

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi án:

Kể từ ngày anh T, chị Th có đơn yêu cầu thi án, anh Tr, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi án.

Trường hợp bản án được thi theo quy định tại Điều 2 Luật Thi án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi án dân sự có quyền thoả thuận thi án, quyền yêu cầu thi án, tự nguyện thi án hoặc bị cưỡng chế thi án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi án dân sự. Thời hiệu thi án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi án dân sự.

4. Về tiền án phí:

- Anh Tr, chị T phải chịu 9.443.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Th số tiền 5.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004577 ngày 08/12/2020 do chi cục thi án dân sự Yên Thế thu.

Đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh